**– Tiết PPCT 66 Ngày soạn: 28/4/2025**

# BÀI 34: THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO TUYÊN TRUYỀN VỀ BẢO VỆ

# CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

# (Thời gian thực hiện: 1 tiết)

# I. MỤC TIÊU

# 1. Kiến thức:

# Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

# 2. Năng lực:

# - Năng lực chung:

# + Giao tiếp và hợp tác: chủ động, tự tin trong giao tiếp; tiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước lớp.

# + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm kiếm và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau, thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.

# - Năng lực đặc thù:

# + Nhận thức khoa học Địa lí: định hướng không gian, biết xác định vị trí địa lí, phạm vi, quy mô của vùng biển, đảo Việt Nam.

# + Tìm hiểu địa lí: khai thác tài liệu văn bản, tìm được nội dung và biết lấy thông tin, thu thập hình ảnh, video,… về vấn đề biển đảo Việt Nam từ những trang web được GV giới thiệu.

# + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: có khả năng trình bày kết quả một bài tập về vấn đề biển đảo Việt Nam trong thực tiễn.

# 3. Phẩm chất:

# - Chăm chỉ: tích cực tìm tòi, sáng tạo trong học tập.

# - Trách nhiệm: tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

# - Yêu nước: đấu tranh, khẳng định chủ quyền vùng biển của Việt Nam.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên

- Máy tính, TV.

# - Tranh ảnh, video về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam:

# [https://www.youtube.com/watch?v=WhwTDwjov1g](http://www.youtube.com/watch?v=WhwTDwjov1g)

- SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

**2. Học sinh**

SGK Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống).

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**A. Ổn định lớp**

**B. Bài mới**

### 1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS, kết nối bài cũ và bài mới.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS xem video và trả lời câu hỏi của GV: *“Em có suy nghĩ gì về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam?”*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh (Chủ quyền biển, đảo là thiêng liêng và bất khả xâm phạm; bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên các vùng biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc là trách nhiệm không chỉ của Nhà nước mà của toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ).

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp trực quan.

– Bước 1: GV yêu cầu HS xem video về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam:

[https://www.youtube.com/watch?v=WhwTDwjov1g](http://www.youtube.com/watch?v=WhwTDwjov1g)

Sau khi HS xem video và trả lời câu hỏi của GV: *“Em có suy nghĩ gì về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam?”*

– Bước 2: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV.

– Bước 3: GV mời đại diện một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV theo dõi và đưa ra nhận xét dựa trên số lượng, mức độ hiểu biết của HS đưa ra. Dẫn dắt vào bài mới: “Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam là quyền lợi và là trách nhiệm của mỗi người dân, tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo cũng là một hình thức góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam”.

### 2. Hoạt động 2: Thực hành: Tìm hiểu và viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ

### chủ quyền biển, đảo của Việt Nam

**a) Mục tiêu:** Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS: Viết báo cáo:

*- Tuyên truyền về chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

*- Tuyên truyền về Luật Biển Việt Nam.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

|  |
| --- |
| **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **1. Nội dung 1: Tuyên truyền về chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.**  ***\* Khái quát về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.***  ***-* Quần đảo Hoàng Sa** hay **quần đảo Tây Sa,**  + Là một nhóm khoảng 30 đảo, rạn san hô, cồn cát và bãi đá ngầm ở biển Đông, là đối tượng tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam. Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia đang duy trì sự kiểm soát cũng như quyền tài phán trên thực tế đối với toàn bộ quần đảo này.  + Quần đảo nằm cách miền Trung Việt Nam khoảng một phần ba khoảng cách đến những đảo phía bắc của Phi-lip-pin; cách đảo Lý Sơn của Việt Nam khoảng 200 hải lý và cách đảo Hải Nam của Trung Quốc khoảng 230 hải lý.  **- Quần đảo Trường Sa** hay Nam Sa Quần đảo.  + Là một tập hợp các thực thể địa lý được bao quanh bởi những vùng ngư nghiệp trù phú đồng thời sở hữu trữ lượng dầu mỏ, khí đốt lớn thuộc biển Đông.  + Ngày nay, quần đảo này đang ở trong tình trạng tranh chấp lãnh thổ ở các mức độ khác nhau giữa 6 quốc gia, lần lượt là Brunei, Đài Loan,Trung Quốc, Malaysia, Philippines và Việt Nam.  ***\* Vai trò quả QĐ. Hoàng Sa và QĐ. Trường Sa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc***  - Với sự phát triển kinh tế:  + Là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  + Tạo điều kiện để nước ta phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn: thuỷ sản, khai thác dầu khí, giao thông vận tải biển, du lịch…  + Các đảo và quần đảo là hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới.  - Với xã hội:Tạo việc làm, nâng cao đời sống cho nhân dân.  - Với an ninh quốc phòng:  + Biển Đông đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Biển – đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.  - Các đảo và quần đảo có ý nghĩa phòng thủ chiến lược, là hệ thống tiền tiêu để bảo vệ đất liền, khẳng định chủ quyền của nước ta trên các đảo và quần đảo là cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa.  - Biển Đông là tuyến phòng thủ chiến lược hướng đông của đất nước, là cơ sở để gắn kết giữa các căn cứ trên đất liền với các đảo, quần đảo xa bờ. Đặc biệt quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vừa có ý nghĩa trong việc kiểm soát các tuyến đường biển qua lại trên Biển Đông, vừa là các trạm chốt tiền tiêu, đảm bảo an ninh quốc phòng cho nước ta.  **2. Nội dung 2: Tuyên truyền về luật biển Việt Nam.**  ***\* Những định hướng nước ta thực hiện để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Việt Nam***  **- Một là**, xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia trong khu vực mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.  **- Hai là**, xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ biển, đảo vững mạnh về mọi mặt.  **- Ba là**, kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp trên biển, đảo bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.  - **Bốn là**, thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng.  - **Năm là**, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.  Để giải quyết các vấn đề tranh chấp vùng biển – đảo, Việt Nam và các nước trong khu vực cần tăng cường đối thoại và hợp tác nhằm duy trì hoà bình, an ninh, an toàn tự do hàng hải, hàng không ở Biển Đông, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, công ước liên hợp quốc về luật biển 1982. Thực hiện Tuyên bố ứng xử của các Bên tại Biển Đông (DOC), tiến tới duy trì hoàn thiện Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (COD) sẽ là giải pháp hiệu quả để duy trì sự ổn định, hoà bình và hữu nghị trong khu vực.  ***\* Luật biển Việt Nam và Luật biển quốc tế 1982***  Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992  và Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, ngày 21 tháng 6 năm 2012 đã ban hành LUẬT BIỂN VIỆT NAM số Luật số: 18/2012/QH13.  **VÙNG BIỂN VIỆT NAM**  **Điều 9. Nội thuỷ**  Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.  **Điều 10. Chế độ pháp lý của nội thuỷ**  Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như trên lãnh thổ đất liền.  **Điều 11. Lãnh hải**  Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.  Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.  **Điều 12. Chế độ pháp lý của lãnh hải**  1. Nhà nước thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.  2. Tàu thuyền của tất cả các quốc gia được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Đối với tàu quân sự nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam, thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.  3. Việc đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng hòa bình, độc lập, chủ quyền, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  4. Các phương tiện bay nước ngoài không được vào vùng trời ở trên lãnh hải Việt Nam, trừ trường hợp được sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  5. Nhà nước có chủ quyền đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải Việt Nam.  **Điều 13. Vùng tiếp giáp lãnh hải**  Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.  **Điều 14. Chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải**  1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và các quyền khác quy định tại Điều 16 của Luật này đối với vùng tiếp giáp lãnh hải.  2. Nhà nước thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.  **Điều 15. Vùng đặc quyền kinh tế**  Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.  **Điều 16. Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế**  1. Trong vùng đặc quyền kinh tế, Nhà nước thực hiện:  a) Quyền chủ quyền về việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thuộc vùng nước bên trên đáy biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển; về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế;  b) Quyền tài phán quốc gia về lắp đặt và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình trên biển; nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ và gìn giữ môi trường biển;  c) Các quyền và nghĩa vụ khác phù hợp với pháp luật quốc tế.  2. Nhà nước tôn trọng quyền tự do hàng hải, hàng không; quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.  Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.  3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt các thiết bị và công trình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên cơ sở các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng được ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế có liên quan.  4. Các quyền có liên quan đến đáy biển và lòng đất dưới đáy biển quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật này.  **Điều 17. Thềm lục địa**  Thềm lục địa là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.  Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.  Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.  **Điều 18. Chế độ pháp lý của thềm lục địa**  1. Nhà nước thực hiện quyền chủ quyền đối với thềm lục địa về thăm dò, khai thác tài nguyên.  2. Quyền chủ quyền quy định tại khoản 1 Điều này có tính chất đặc quyền, không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò thềm lục địa hoặc khai thác tài nguyên của thềm lục địa nếu không có sự đồng ý của Chính phủ Việt Nam.  3. Nhà nước có quyền khai thác lòng đất dưới đáy biển, cho phép và quy định việc khoan nhằm bất kỳ mục đích nào ở thềm lục địa.  4. Nhà nước tôn trọng quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp khác của các quốc gia khác ở thềm lục địa Việt Nam theo quy định của Luật này và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, không làm phương hại đến quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.  Việc lắp đặt dây cáp và ống dẫn ngầm phải có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.  5. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được tham gia thăm dò, sử dụng, khai thác tài nguyên, nghiên cứu khoa học, lắp đặt thiết bị và công trình ở thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hợp đồng ký kết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc được phép của Chính phủ Việt Nam. |

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện kĩ thuậtlàm việc nhóm.

– Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ:

Nhóm 1 + 3: Tuyên truyền về chủ quyền của Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhóm 2 + 4: Tuyên truyền về Luật Biển Việt Nam.

GV yêu cầu HS thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam thông qua một số nguồn tư liệu: nội dung bài 33; thông tin trên internet có liên quan đến báo cáo; các sách, báo, tạp chí, video,… có liên quan đến nội dung báo cáo; Luật Biển Việt Nam, Luật số 18/2012/ QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012,...

– Bước 2: HS thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ.

– Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

#### – Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nhóm: …………………….. Lớp:………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | | Điểm tối đa | Điểm đạt được |
| Nội dung | Đầy đủ, chi tiết | 2 |  |
| Trả lời được câu hỏi của các nhóm | 2 |  |
| Hình thức | Hình ảnh, video, bản đồ…khoa học, hấp dẫn | 3 |  |
| Thuyết trình | Tự tin, nói to, rõ ràng, lưu loát | 1.5 |  |
| Sáng tạo, độc đáo | 1.5 |  |

### 3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

**a) Mục tiêu:** Nhằm vận dụng kiến thức đã học và phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi để HS làm rõ thông tin trong báo cáo:

**Câu 1.** Quần đảo Hoàng Sa thuộc

**A.** thành phố Đà Nẵng. **B.** tỉnh Quảng Nam.

**C.** tỉnh Khánh Hoà. **D.** tỉnh Cà Mau.

**Câu 2.** Quần đảo Trường Sa thuộc

**A.** thành phố Đà Nẵng. **B.** tỉnh Bình Định.

**C.** tỉnh Khánh Hoà. **D.** tỉnh Kiên Giang.

**Câu 3.** Luật Biển Việt Nam được thông qua năm nào?

**A.** Năm 2000. **B.** Năm 2010. **C.** Năm 2012. **D.** Năm 2022.

**Câu 4.** Luật Biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày

**A.** 1 tháng 1 năm 2021. **B.** 1 tháng 1 năm 2015.

**C.** 21 tháng 6 năm 2012. **D.** 1 tháng 1 năm 2013.

**Câu 5.** Luật Biển Việt Nam bao gồm

**A.** 22 điều. **B.** 33 điều. **C.** 44 điều. **D.** 55 điều.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Đáp án: 1A, 2C, 3C, 4D, 5D.**

**d) Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp tia chớp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

**C. Hướng dẫn về nhà**

- Hoàn thành bài thực hành.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 35: Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương.